TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/DS-ST
Ngày: 23-5-2023
V/v hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sơn - Bà Lê Thị Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2023/TLST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 148/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phùng Văn B (TD), sinh năm 1965. Nơi cư trú: số 19/7, khóm ND, phường MB, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. SĐT: 0917.909.979. có đơn xin vắng mặt

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1967; vắng mặt
2. Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1979; vắng mặt

Cùng nơi cư trú: số 619B/16, khóm ĐP, phường ĐX, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 2 năm 2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Phùng Văn B trình bày:

Ông L và bà T là vợ chồng, ông bà thường xuyên vay tiền của ông để đầu tư làm ăn công trình. Ngày 14/4/2021, bà T có đến để vay của ông số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) theo biên nhận cùng ngày, số tiền này ông giao trực tiếp cho bà T tại nhà của ông, 01 lần, tiền mặt, sau khi nhận tiền thì bà T đã tự ghi và ký tên vào giấy biên nhận. Do bà T nói mượn xoay vốn nhanh nên không có ghi thời hạn vay và mức lãi suất mà thường trong vòng 01 tuần là ông L, bà T sẽ trả, khi đó sẽ gửi luôn tiền lãi cùng tiền vốn. Sau đó ông L, bà T có gửi 02 lần là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), ghi cuối biên nhận, hẹn khi nào trả dứt vốn lãi thì sẽ trừ lại số tiền này.

Đến ngày 02/7/2021, bà T tiếp tục đến vay thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), số tiền này ông giao trực tiếp cho bà T tại nhà của ông, 01 lần, tiền mặt, sau khi nhận tiền thì bà T đã tự ghi và ký tên vào giấy biên nhận. Bà T và ông L nói mượn để nhập vật tư, hẹn vài ngày sau sẽ trả nên không ghi vào biên nhận.

Tuy nhiên, ngoài 02 lần gửi số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) thì cho đến nay ông L, bà T vẫn không trả vốn, lãi cho ông thêm lần nào, dù ông đã nhiều lần yêu cầu.

Mỗi lần vay ông L đều có điện thoại nói với ông nên ông L đều biết về các khoản vay này và đồng ý việc để bà T ký biên nhận và nhận tiền, do ông L bận đi làm công trình.

Việc vay này không có biện pháp bảo đảm, ông không có giữ bất kỳ tài sản nào của ông L, bà T.

Nay ông yêu cầu ông L, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật, đồng ý khấu trừ lại số tiền 25.0000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Án phí dân sự: theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức L, bà Hồ Thị Thanh T vắng mặt không tham gia phiên họp và không gửi tự khai trình bày ý kiến do đó không ghi nhận được ý kiến của của ông L, bà T.

- Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn B. Buộc bị đơn bà Hồ Thị Thanh T có trách nhiệm trả số tiền vốn là 295.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 14/3/2023. Không chấp nhận phần yêu cầu buộc ông Nguyễn Đức L liên đới với bà T chịu trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi nêu trên. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Phùng Văn B khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đối với ông L, bà T có địa chỉ cư trú tại thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]*Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn ông B và bị đơn ông L, bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông B có đơn xin vắng mặt và ông L bà T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B, ông L, bà T là phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Ông B khởi kiện ông L, bà T đối với hợp đồng vay theo biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ ngân hàng ngày 14/4/2021 và ngày 02/7/2021, yêu cầu ông L và bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả vốn vay 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L, bà T để ông bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn. Tuy nhiên ông bà vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Theo biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ ngân hàng ngày 14/4/2021 thì bà T vay của ông B số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ ngân hàng ngày 02/7/2021 thì bà T vay của ông B số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Trên cả hai biên nhận đều có chữ ký và chữ viết của bà Hồ Thị Thanh T ở vị trí người vay, có ghi rõ họ tên, địa chỉ của bà T cũng như những thỏa thuận khác về hợp đồng vay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà T vẫn không có văn bản phản đối đối với 02 biên nhận này cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay này.

[2.3] Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ ngân hàng ngày 14/4/2021 và ngày 02/7/2021, xét thấy có đủ cơ sở để xác định giữa ông B và bà T có xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản, việc giao dịch này tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy ông B trình bày có thỏa thuận lãi suất và hẹn vài ngày sẽ trả nhưng theo biên nhận không thể hiện thời hạn vay và lãi suất vay do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không thời hạn, không lãi suất. Về nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng vay không thời hạn thì cần thông báo trước một thời gian hợp lý, theo đó Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện nhưng bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với hợp đồng vay do đó căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền còn nợ theo hợp đồng vay.

[2.4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông B xác định bà T có trả 02 lần với số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và ông đồng ý khấu trừ số tiền này. Cuối biên nhận ngày 14/4/2021 có dòng chữ: *"đưa 15.000.000đ ngày 22.4; đưa 10.000.000đ"* tuy không rõ nội dung nhưng được sự thừa nhận của ông B và việc khấu trừ này có lợi cho bà T. Như vậy, đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, số tiền vốn vay mà bà T còn nợ ông B đối với 02 hợp đồng vay này là: 320.000.000đ – 25.000.000đ = 295.000.000đ (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng)

[2.5] Về tiền lãi: Ông B yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, đây là hợp đồng vay không có thời hạn và không có lãi. Nay căn cứ vào khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử buộc bà T có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền vốn vay còn nợ là 295.000.000 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) tính từ ngày thụ lý vụ án là ngày 14/3/2023 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: 295.000.000 đồng x 10%/năm x 02 tháng 09 ngày = 5.644.000đ (năm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)

Như vậy, tổng số tiền bà T có nghĩa vụ trả cho ông B là:

295.000.000đ + 5.644.000đ = 300.644.000đ (ba trăm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)

[2.6] Về nghĩa vụ liên đới: Ông B yêu cầu ông L cùng có nghĩa vụ liên đới với bà T trong nghĩa vụ trả nợ cho ông. Tuy ông L và bà T là vợ chồng và giao dịch này được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nhưng tại biên nhận không có thông tin gì của ông L, chỉ có chữ ký chữ viết và thông tin của bà T. Đồng thời ông B cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông L biết và đồng ý cùng chịu nghĩa vụ đối với hợp đồng vay này, cũng như không có gì chứng minh việc bà T sử dụng nguồn tiền vào mục đích chung, nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu về nghĩa vụ liên đới của ông L với bà T trong việc trả nợ cho ông B.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông B được chấp nhận do đó ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông B tạm ứng án phí đã nộp. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn B.

Buộc bà Hồ Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Văn B số tiền 300.644.000đ (ba trăm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay: 295.000.000đ (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi: 5.644.000đ (năm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn B về yêu cầu nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Đức L.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Thanh T phải chịu 15.032.000đ (mười lăm triệu, không trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Phùng Văn B số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001423 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông Phùng Văn B, bà Hồ Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Tp.Long Xuyên;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường